

Bản án số: 769/2024/HC-PT

Ngày 23 - 7 - 2024

V/v “*Khiếu kiện quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Túu

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Long

Ông Hà Huy Cầu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Hà - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nhân - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: MERGEFIELD Số_thụ_lý_152/2024/TLPT-HC ngày 01 tháng 3 năm 202 về việc “*Khiếu kiện quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai*”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 189/2023/HC-ST ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1396/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Phan Thị Thu H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là “UBND”) huyện T, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: UBND huyện T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh Đ - Chủ tịch (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Phước V - Phó Chủ tịch (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan: Ông Nguyễn Thanh T - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện Nguyễn Văn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 4 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện - ông Nguyễn Văn K trình bày như sau:**

Nguồn gốc đất ông K thuê người gieo sạ lúa bị xử phạt vi phạm hành chính là do cha của ông (tên Nguyễn Văn P) khai hoang trước năm 1975. Gia đình ông K chủ động đào một con kênh dẫn nước phục vụ trồng lúa và sinh hoạt cho một số hộ gia đình sinh sống bên trong (do người dân tự đào). Sau khi Nhà nước đào một con kênh khác gọi là kênh ranh (phục vụ sản xuất trồng lúa, sinh hoạt) thì con kênh được đào trên phần đất gia đình ông K không còn sử dụng, nên gia đình ông K đã san lấp con kênh và trồng lúa từ năm 2000 cho đến nay.

Việc sử dụng phần đất có nguồn gốc từ con kênh của gia đình ông K được nhiều người biết và xác nhận, nên ông K yêu cầu Nhà nước công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây gọi tắt là “GCN.QSDD”) cho gia đình ông.

Kết luận thanh tra số 1783/KL-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2020 của UBND huyện T đối với phần đất Kênh Thủy Lợi tại ấp E và phần đất 500m² đất công tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An không phải là quyết định hành chính quản lý đất đai theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, mà chỉ là kết luận nội bộ. Việc này đã được khẳng định tại Quyết định số 04/2021/QĐ-GQKN ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Biên bản làm việc ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Thanh tra huyện T có nêu nội dung như sau: Hiện nay, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện cũng như UBND xã T chưa thực hiện cắm mốc và thu hồi phần đất Kênh T. Hiện nay, ông Nguyễn Văn K vẫn còn sản xuất lúa chưa có bị mất quyền lợi và ảnh hưởng đến việc sản xuất lúa. Khi nào Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện và UBND xã T tiến hành cắm mốc, thu hồi ảnh hưởng đến quyền lợi của ông K thì lúc đó ông K có quyền làm đơn khiếu nại đến việc thu hồi phần đất kênh thủy lợi.

Cho đến thời điểm hôm nay, Chủ tịch UBND huyện T chưa ban hành quyết định hành chính thu hồi đất, thì không có căn cứ cho rằng ông K có hành vi lấn đất phi nông tại khu vực nông thôn với diện tích lấn từ 0,1ha đến dưới 0,5ha.

Xét về thời gian ban hành quyết định xử phạt vi phạm, từ lúc lập biên bản ngày 20 tháng 9 năm 2022 mà đến ngày 18 tháng 10 năm 2022 mới ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Căn cứ Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) thì đã quá thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản.

Với các lý do nêu trên, ông Nguyễn Văn K không đồng ý với Quyết định số 3440/QĐ-XPHC ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch UBND huyện T (sau đây gọi tắt là “Quyết định 3440”) về việc xử phạt ông K số tiền 70.000.000 đồng; buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã lấn

chiếm; buộc trả lại số lợi bất hợp pháp có được do hành vi vi phạm hành chính với số tiền 31.000 đồng. {Với hành vi vi phạm hành chính: Lấn đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn với diện tích từ 0,1ha đến 0,5ha, cụ thể: Ông K đã thuê người gieo sạ lúa trên phần Kênh T (đất phi nông nghiệp) tại khu vực nông thôn do Nhà nước quản lý với diện tích lấn đất là 2.276m² (0,2276ha), tờ bản đồ số 6. Vị trí đất tại ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Long An}.

Ông K đã làm đơn khiếu nại. Ngày 16 tháng 3 năm 2023, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 596/QĐ-UBND “Về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn K cư ngụ tại ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Long An lần đầu” (sau đây gọi tắt là “Quyết định 596”). Theo đó, bác khiếu nại của ông K, giữ nguyên Quyết định 3440.

Không đồng ý với Quyết định 596, ông Nguyễn Văn K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy các Quyết định 596 và 3440.

*** Tại Công văn số 3122/UBND-NC ngày 20 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện T, người bị kiện có ý kiến như sau:**

1. Nguồn gốc phần đất kênh thủy lợi:

Sau hòa bình năm 1975, phần đất Kênh T (trước đây người dân gọi là kênh Mới) là đất của Tập đoàn H2. Khoảng năm 1978, lúc thành lập Tập đoàn, phần con Kênh T hướng Tây có đào 01 con kênh dùng để làm ranh giữa 02 Tập đoàn. Đảng ủy, UBND xã T mà cụ thể là ông Bùi Văn Đ1, chức vụ Phó Bí thư xã T (lúc đó chưa tách xã T và T) có chỉ đạo tạm cấp một phần đất cho ông Nguyễn Chí D (tự Bé T1) ấp Đ, xã T. Sau đó, ông Sáu H1 là cha của ông Nguyễn Chí D về sinh sống chung với ông Nguyễn Chí D, ông Nguyễn Chí D có cho lại cha ông một phần đất mà ông D được Nhà nước cấp trước đây. Ông Nguyễn Văn K là con và ở chung với ông Sáu H1. Sau khi, ông Sáu H1 chết, ông Nguyễn Văn K tiếp tục sử dụng phần đất này, phần đất này không phải là của ông K được cấp.

Phần đất Kênh T thời điểm tạm cấp đất cho ông Nguyễn Chí D chừa lại 10m để đào con kênh cho người dân đi lại. Trong lúc đào con Kênh T có lấn về phía Đông, còn đất ông Nguyễn Chí D thì giữ nguyên. Trong quá trình đào kênh, ông 9 Chương có xin phần đất ở phía Đông. Trong quá trình sản xuất và sử dụng, ông 9 Chương không sản xuất và sử dụng nữa nên ông bán lại cho ông Lê Văn D1 và nhiều người khác. Các hộ đào Kênh T đều khẳng định phần đất này không phải là của gia đình ông Nguyễn Văn K hiến để làm con Kênh T tại ấp E, xã T. Trên bản đồ địa chính vẫn thể hiện đất Kênh T do UBND xã T quản lý.

2. Quá trình giải quyết phần đất Kênh T mà ông Nguyễn Văn K cho rằng là đất của cha ông để lại và yêu cầu xin cấp GCN.QSDD:

- Từ năm 2000 đến năm 2006, phần đất Kênh T là đất công, phục vụ tưới tiêu và đi lại cho người dân.

- Năm 2006, UBND xã T thực hiện chủ trương hoán đổi đất với ông Dương Minh C để thực hiện đường lộ nối liền kênh Mới với tuyến dân cư. Đoạn hoán đổi phần đất Kênh T từ đầu giáp với kênh Mới đến giáp ranh đất của ông Nguyễn Văn

K. Đoạn còn lại từ phân giáp ranh với đất ông Nguyễn Văn K đến giáp kênh 5.000 không còn sử dụng để phục vụ tưới tiêu. Phần phía Đông bờ Kênh T sử dụng kéo đường điện để phục vụ sinh hoạt cho người dân địa phương; một bên bờ Tây của Kênh T và đường kênh dẫn nước thì 02 hộ dân liền kề tự ý san lấp, ban phá và lấn chiếm để canh tác nông nghiệp.

- Vào ngày 04 tháng 5 năm 2009, UBND xã T có biên bản làm việc với ông Nguyễn Văn K, ngụ tại ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Long An. Nội dung làm việc:

Thống nhất giao đất Kênh T cho ông Nguyễn Văn K để ông sử dụng. Trong buổi làm việc giữa UBND xã T với ông Nguyễn Văn K đã thống nhất giao phần đất Kênh Thủy Lợi cho ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Văn K đóng góp tiền nộp vào ngân sách với mức giá là 06 chỉ vàng 24k/1.000m² đất.

Sau đó, UBND xã T phân công công chức địa chính - xây dựng xã phối hợp với Chi bộ, Trưởng ấp kiểm tra thực địa cắm mốc ranh đất giữa Kênh T giáp với các chủ lân cận, để tiến hành đo đạc lập thủ tục đề nghị UBND huyện giao đất Kênh T theo biên bản thỏa thuận ngày 04 tháng 5 năm 2009. Tuy nhiên, khi tiến hành cắm mốc ranh giới, ông Nguyễn Văn K không thống nhất ranh dẫn đến việc tổ chức giao đất không thực hiện được.

- Đến ngày 04 tháng 4 năm 2012, UBND xã T phối hợp với Ban Q, tiếp tục mời ông Nguyễn Văn K, ông Lê Văn D1 là hai chủ đất giáp ranh đất Kênh T để tổ chức đo đạc, cắm mốc phân ranh giữa đất Kênh Thủy Lợi với đất của ông Nguyễn Văn K và ông Lê Văn D1. Qua quá trình đo đạc, cắm mốc, ông Nguyễn Văn K, ông Lê Văn D1 không thống nhất các trụ mốc ranh đã cắm.

- Ngày 03 tháng 7 năm 2015, UBND xã T phối hợp với Ban Q tiến hành mời ông Nguyễn Văn K đến trụ sở văn hóa ấp E để thỏa thuận việc ra thực tế cắm mốc ranh đất của ông giáp với đất Kênh T. Sau khi thỏa thuận, ông Nguyễn Văn K yêu cầu Đoàn làm việc của xã cắm mốc phần đất của ông theo GCN.QSĐĐ. Đoàn làm việc đã thống nhất với yêu cầu của ông Nguyễn Văn K và khi đo đạc cắm mốc xong tiến hành lập biên bản cắm mốc thì ông Nguyễn Văn K tiếp tục không thống nhất ranh. Ý kiến của ông Nguyễn Văn K là để ông đo đạc lại diện tích đất, nếu đúng theo GCN.QSĐĐ của ông đang đứng tên thì ông sẽ thống nhất ranh.

- Ngày 08 tháng 7 năm 2015, UBND xã T tiếp tục mời ông Nguyễn Văn K đến làm việc với nội dung: Xác định lại vị trí các mốc ranh đã cắm ngày 03 tháng 7 năm 2015. Kết quả buổi làm việc như sau: Nguồn gốc đất Kênh T là đất công cộng, không do gia đình ông Nguyễn Văn K hiến để đào kênh như trong đơn ông đã nêu; cột mốc đã cắm vào ngày 03 tháng 7 năm 2015, ông Nguyễn Văn K đã thống nhất ranh không khiếu nại, thắc mắc về sau và UBND xã sẽ đề nghị chi nhánh Văn phòng Đ2 (sau đây gọi tắt là “VPĐKĐĐ”) huyện T đo đạc Kênh T theo các mốc đã cắm thực tế.

- Ngày 16 tháng 9 năm 2015, chi nhánh VPĐKĐĐ huyện T phối hợp với UBND xã T và công chức địa chính - xây dựng xã tiến hành ra thực tế đo đạc phần đất Kênh T, với sự chứng kiến của các chủ đất giáp ranh. Tuy nhiên, ông Nguyễn

Văn K cho rằng UBND xã đã cắm mốc ranh không đúng nên ông không đồng ý ký tên vào biên bản đo đạc.

- Ngày 07 tháng 10 năm 2015, UBND xã T mời ông Nguyễn Văn K đến trụ sở UBND xã làm việc với nội dung: Yêu cầu ông xác nhận lại các cột mốc ranh đã cắm, xác nhận lại số liệu đo đạc của chi nhánh VPĐKĐĐ huyện T và trả lời đơn khiếu nại của ông. Trong buổi làm việc, ông Nguyễn Văn K không thống nhất các cột mốc ranh mà UBND xã cắm ngày 03 tháng 7 năm 2015; ông cho rằng UBND xã cắm mốc lấn vào phần đất của ông một mét; đồng thời, UBND xã yêu cầu ông Nguyễn Văn K không được lấn qua vi phạm cột mốc, không được nhổ mốc. Nếu ông không thống nhất các mốc ranh đã cắm, trong vòng 10 ngày đề nghị ông tiến hành gửi đơn khởi kiện vụ việc tại Tòa án.

- Ngày 07 tháng 12 năm 2015, UBND xã tiếp tục làm việc với ông Nguyễn Văn K, UBND xã kết luận và ông Nguyễn Văn K đồng ý với nội dung sau: Thống nhất các cột mốc đã cắm ngày 03 tháng 7 năm 2015 của UBND xã thì không được xô dịch các cột mốc và không tiếp tục thắc mắc, khiếu nại về sau. Trong thời gian UBND xã trình lãnh đạo cấp trên xem xét giá đất mà ông đề nghị thì không được thắc mắc, khiếu nại đối với việc lập hồ sơ giao đất của UBND xã, khi được sự chấp thuận về giá của lãnh đạo cấp trên, UBND xã sẽ mời ông cùng ông Lê Văn D1 đến UBND xã để bàn bạc phương thức, cách thức giao đất ngoài thực địa.

- Ngày 17 tháng 4 năm 2019, UBND xã làm việc với ông Nguyễn Văn K, ông Lê Văn D1. Hai ông thống nhất đo đạc phần đất của ông Nguyễn Văn K, ông Lê Văn D1 đủ theo GCN.QSĐĐ, còn lại là đất Kênh T và tiếp tục thuê đất Kênh T nộp tiền vào ngân sách với giá 2.000.000 đồng/công/năm. Đến ngày 22 tháng 5 năm 2019, đoàn làm việc của xã đến thực địa đo đạc tại phần đất Kênh T thì ông Nguyễn Văn K đổi ý, ông không đồng ý đóng góp cho ngân sách địa phương đối với phần đất Kênh T. Ngày 31 tháng 5 năm 2019, UBND xã tiếp tục mời ông Nguyễn Văn K, ông Lê Văn D1 đến làm việc để vận động hai ông thực hiện theo nội dung biên bản ngày 17 tháng 4 năm 2019.

- Ngày 19 tháng 9 năm 2019, ông Nguyễn Văn K làm đơn xin cấp GCN.QSĐĐ và ủy quyền cho bà Phan Thị Thu H nộp hồ sơ xin cấp GCN.QSĐĐ lần đầu đối với phần đất diện tích 5.603m², tờ bản đồ số 6; mục đích sử dụng đất: trồng lúa; đất tọa lạc tại: ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Long An, theo mảnh trích đo do Công ty TNHH D2 thực hiện. Thực tế phần đất này là vị trí đất Kênh Thủy Lợi do UBND xã T quản lý.

- Ngày 27 tháng 02 năm 2020, Đoàn Thanh tra mời ông Nguyễn Văn K, ông Lê Văn D1 đến làm việc và hai ông thống nhất tiến hành đo phần đất của hai ông và phần đất kênh thủy lợi.

- Ngày 18 tháng 3 năm 2020, Đoàn Thanh tra tiến hành mời ông Trần Thanh T2 đến để làm rõ mảnh trích đo phần đất Kênh T do Công ty TNHH D2 thực hiện. Qua buổi làm việc, ông Trần Thanh T2 trình bày: Công ty TNHH D2 có hợp đồng đo đạc với bà Phan Thị Thu H (được ông Nguyễn Văn K ủy quyền) để tham khảo phần đất kênh thủy lợi, không phải đo đạc để xin cấp GCN.QSĐĐ. Trong quá trình đo đạc của Công ty TNHH D2 không có công chức địa chính - xây dựng xã dẫn đo

đạc, không có chữ ký giáp ranh của các hộ. Do đó, Đoàn Thanh tra đã yêu cầu Công ty TNHH D2 thu hồi lại mảnh trích đo phần đất kênh thủy lợi.

- Ngày 20 tháng 3 năm 2020, Công ty TNHH D2 có Thông báo số 01/TB-2020 về việc thu hồi sơ đồ hiện trạng Kênh T từ bản đồ số 6. Lý do: Ông Nguyễn Văn K đã sử dụng sai Hợp đồng đo đạc số 18/HĐĐĐ ngày 04 tháng 8 năm 2019 giữa Công ty TNHH D2 với bà Phan Thị Thu H (đại diện cho ông Nguyễn Văn K), vì sơ đồ hiện trạng Kênh Thủy Lợi từ bản đồ số 6 chỉ sử dụng vào mục đích tham khảo và do sơ đồ tham khảo nên không đúng quy định theo Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ T3 quy định về bản đồ địa chính. Do đó, không có bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất cho các hộ sử dụng đất liền kề ký tên xác nhận; không phải là mảnh trích đo địa chính, không được duyệt của cơ quan quản lý nhà nước nên không dùng để bổ sung vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận.

- Ngày 28 tháng 4 năm 2020, Đoàn Thanh tra phối hợp với chi nhánh VPĐKĐĐ tại huyện và UBND xã T tiến hành đo đạc phần đất ông Nguyễn Văn K và phần đất công Kênh Thủy Lợi. Kết quả đo đạc như sau:

+ Theo GCN.QSĐĐ số I 263388, số vào sổ 120, cấp ngày 01 tháng 10 năm 1996, tổng diện tích 18.168m², gồm các thửa: Thửa 82, diện tích 4.779m²; thửa 83, diện tích 367m²; thửa 238, diện tích 13.022m², cùng tờ bản đồ số 6, do UBND huyện T cấp ngày 01 tháng 10 năm 1996 cho ông Nguyễn Văn K và GCN.QSĐĐ cấp ngày 28 tháng 12 năm 2004, số vào sổ H 1624 cho ông Nguyễn Văn K, thửa 308, diện tích 1.603m², tờ bản đồ số 6 (tổng diện tích hai GCN.QSĐĐ là 19.771m²).

+ Theo hiện trạng thực tế sử dụng đã bị biến động so với GCN.QSĐĐ số I 263388: Tổng diện tích sau biến động: 19.663m², trong đó: Thửa 82, diện tích 4.643m², giảm diện tích 136m²; thửa 83, diện tích 323m², giảm 44m², cả hai thửa tổng diện tích giảm 180m² do làm lộ đê kênh 5000. Thửa 238, diện tích 12.977m², giảm 45m² do sai ranh hướng Tây và thửa 308 diện tích 1.720m², tăng 117m² là do sai ranh hướng N.

+ Theo ranh đất hiện hữu mà ông Nguyễn Văn K lấn sử dụng đất Kênh T diện tích là: 2.826m².

+ Phần đất Kênh T diện tích là 5.046m²: Phần đất ông Nguyễn Văn K lấn là 2.826m², phần đất ông Lê Văn D1 lấn là 447m² và hiện trạng bờ ruộng có đường dây điện hạ thế là 1.773m².

- Ngày 20 tháng 7 năm 2020, Chủ tịch UBND huyện ban hành Kết luận số 1783/KL-UBND về việc kết quả thanh tra công tác quản lý, sử dụng đất Kênh T tại ấp E, xã T, huyện T. Nội dung kết luận: Giao UBND xã T tiếp tục quản lý phần đất Kênh T và cắm mốc ranh giới với phần đất của ông Nguyễn Văn K và ông Lê Văn D1 đảm bảo đủ diện tích theo GCN.QSĐĐ trên cơ sở mảnh trích đo địa chính số 31-2020, được chi nhánh VPĐKĐĐ huyện T đã thực tế đo đạc và ký tên xác nhận ngày 27 tháng 5 năm 2020.

- Ngày 25 tháng 12 năm 2020, UBND xã T chủ trì, phối hợp với Thanh tra huyện, Phòng T4 tổ chức cắm mốc ranh giới đất Kênh T với phần đất của ông Nguyễn Văn K và ông Lê Văn D1, tại buổi cắm mốc có sự chứng kiến của ông Lê

Văn D1, ông Nguyễn Văn K vắng không chứng kiến. Hiện tại các cột mốc cắm vẫn còn nguyên hiện trạng.

3. Về trình tự, thủ tục lập biên bản vi phạm hành chính và ban hành quyết định xử phạt hành chính đối với ông Nguyễn Văn K:

- Ngày 19 tháng 9 năm 2022, qua kiểm tra hiện trạng sử dụng đất kênh thủy lợi, UBND xã phát hiện ông Nguyễn Văn K đã tiến hành gieo sạ lúa trên phần đất Kênh T do Nhà nước quản lý theo Kết luận số 1783/KL-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch UBND huyện về kết quả thanh tra công tác quản lý đất kênh thủy lợi.

- Ngày 20 tháng 9 năm 2022, UBND xã T tiến hành lập biên bản làm việc về việc ông Nguyễn Văn K đã tiến hành thuê người gieo sạ lúa trên phần đất Kênh T do Nhà nước quản lý; lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Văn K; và lập Tờ trình số 522/TTr-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc đề nghị Chủ tịch UBND huyện ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn K.

- Ngày 18 tháng 10 năm 2022, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định 3440, cụ thể: Hành vi vi phạm hành chính, lấn đất nông nghiệp số tiền phạt là 70.000.000 đồng, buộc nộp lại số tiền thu lợi bất hợp pháp là 31.000 đồng, với tổng số tiền phạt 70.031.000 đồng (*Bảy mươi triệu không trăm ba mươi một nghìn đồng*). Hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn K đảm bảo đúng thời gian ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định về thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Ngày 21 tháng 10 năm 2022, UBND xã T phối hợp với Ban Q, xã T tiến hành đến nhà và trao Quyết định 3440 trực tiếp cho ông Nguyễn Văn K và đã thống nhất nhận Quyết định 3440. Đến nay, ông không chấp hành theo nội dung Quyết định 3440.

- Ngày 31 tháng 10 năm 2022, UBND tỉnh L ban hành Công văn số 10149/UBND-NCTCD về việc chuyển đơn của ông Nguyễn Văn K đến Chủ tịch UBND huyện T.

- Ngày 09 tháng 11 năm 2022, UBND huyện ban hành Công văn số 3618/TCD về việc giao trách nhiệm cho Thanh tra huyện tham mưu giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn K.

- Ngày 21 tháng 11 năm 2022, Thanh tra huyện mời làm rõ nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn K.

- Ngày 30 tháng 11 năm 2022, Chủ tịch UBND huyện ban hành Thông báo số 3934/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Văn K. Cùng ngày, UBND huyện ban hành Quyết định số 3992/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn K, cư ngụ tại ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Quyết định 3440 {Do vi phạm điểm c, khoản 4, Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã lấn theo quy định tại điểm a, khoản 7, Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP và buộc ông Nguyễn Văn K nộp lại số tiền bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm theo quy định tại điểm d, khoản 7, Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP} là đúng theo quy định của pháp luật, cụ thể: Qua xác minh về nguồn gốc kênh thủy lợi, quá trình giải quyết của UBND xã T và Kết luận số 1783/KL-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch UBND huyện về kết quả thanh tra công tác quản lý đất kênh thủy lợi, chứng minh phần đất kênh thủy lợi, tọa lạc tại ấp E, xã T là đất công do Nhà nước quản lý. Do đó, ông K cho rằng phần đất này là của cha ông, cha ông cho các hộ dân đào kênh dẫn nước, tưới tiêu cho các hộ dân trên tuyến kênh, sau này không sử dụng nữa ông Nguyễn Văn K san ra làm lúa từ năm 2000 cho đến nay, là không có cơ sở để xem xét giải quyết.

UBND huyện T đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K, giữ nguyên Quyết định 596 và Quyết định 3440.

*** Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 189/2023/HC-ST ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, đã quyết định:**

Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K đối với Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Long An về việc “*yêu cầu hủy quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai*”.

1.1. Giữ nguyên Quyết định 3440.

1.2. Giữ nguyên Quyết định 596.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 04 tháng 10 năm 2023, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn K có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do: Không đồng ý đối với quyết định của án sơ thẩm, do án sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ khách quan của vụ án nên quyết định của án sơ thẩm là không đúng.

Vì thế, ông K kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông K, sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:**

- Bà Phan Thị Thu H - người đại diện theo ủy quyền của ông K, trình bày:
Giữ nguyên các lý do và yêu cầu kháng cáo của ông K theo đơn kháng cáo ngày 04 tháng 10 năm 2023, cụ thể:

Nguồn gốc đất Kênh T do cha ông K là ông Nguyễn Văn P khai hoang khi chưa hòa bình, sau đó gia đình ông chủ động đào một con kênh dẫn nước phục vụ trồng lúa và sinh hoạt cho một số hộ gia đình sinh sống bên trong (do người dân tự đào, Nhà nước không can thiệp, không có chủ trương gì hết); sau đó Nhà nước đào một con kênh khác gọi là kênh ranh để phục vụ sản xuất trồng lúa, sinh hoạt người dân thì con kênh được đào trên phần đất gia đình ông K không còn sử dụng, gia đình ông K đã san lấp con kênh này từ năm 2000 cho đến nay.

Hiện tại phần đất này gia đình ông K đã san lấp trồng lúa từ năm 2000, không còn là con Kênh Thủy Lợi như Nhà nước gọi nữa. UBND xã T cũng không có kế hoạch sử dụng phần đất đường nước, khi xác lập bản đồ địa chính năm 1993 thể hiện là con kênh, sau đó bỏ hoang gia đình sử dụng sức người ban phá lấp kênh, lấp tới đâu sạ lúa đến đó, bên UBND xã T không có bất kỳ hành động nào ngăn cản cho đến khi ông làm hồ sơ xin cấp GCN.QSDD, thì UBND xã T tiến hành xác minh phần đất và UBND huyện T đã ban hành Kết luận thanh tra số 1783/KL-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2020 với nội dung xác định phần đất Kênh T tại ấp 5 là đất công và phần đất 500m² đất công tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Theo khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, “*Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được UBND xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch thì cấp GCN.QSDD, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*”.

Khoản 4 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định: “*Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang mà đất đó phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền duyệt, không có tranh chấp thì được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo hạn mức do UBND cấp tỉnh quy định; nếu vượt hạn mức do UBND cấp tỉnh quy định thì diện tích vượt hạn mức phải chuyển sang thuê*”.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật Đất đai năm 2013 thì: “*UBND cấp xã được sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích công ích; được giao đất phi nông nghiệp để sử dụng vào mục đích xây dựng trụ sở UBND, các công trình công cộng phục vụ hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí, chợ, nghĩa trang, nghĩa địa và công trình công cộng khác của địa phương*”.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 141 và khoản 1 Điều 164 Luật Đất đai năm 2013 thì: “*UBND cấp xã quản lý đất sử dụng vào mục đích công cộng, đất chưa giao, chưa cho thuê tại địa phương bao gồm đất bãi bồi, ven sông ven biển và đất chưa sử dụng thuộc địa phận xã, phường, thị trấn*”.

Đôi chiếu các quy định nêu trên thì phần đất Kênh Thủy Lợi không thuộc trường hợp được quy định là đất công.

Xét về thời gian ban hành quyết định xử phạt vi phạm, từ lúc lập biên bản ngày 20 tháng 9 năm 2022 đến ngày 18 tháng 10 năm 2022 mới ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là quá thời hạn 07 ngày theo quy định tại Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Từ các lý do nêu trên, người đại diện hợp pháp của ông K yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông K, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính, không có vi phạm.

Về nội dung: Khi giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ; quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, không có căn cứ nào mới làm thay đổi nội dung vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của ông K, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn K còn trong hạn luật định và hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Ngày 04 tháng 5 năm 2023, ông Nguyễn Văn K có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định 3440 và Quyết định 596. Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung:

[3] Xét tính hợp pháp của Quyết định 3440:

[3.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành:

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, qua kiểm tra hiện trạng sử dụng đất thì UBND xã T đã phát hiện ông Nguyễn Văn K đã tiến hành gieo sạ lúa trên phần đất thuộc Kênh T do UBND xã T quản lý.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, UBND xã T tiến hành lập biên bản làm việc về việc ông Nguyễn Văn K đã tiến hành thuê người gieo sạ lúa trên phần đất Kênh T

do Nhà nước quản lý và lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Văn K.

Ngày 18 tháng 10 năm 2022, Chủ tịch UBND huyện T mới ban hành Quyết định 3440, với số tiền phạt là 70.000.000 đồng, buộc nộp lại số tiền thu lợi bất hợp pháp là 31.000 đồng; buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất lấn chiếm.

Theo khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính, “*Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 61 của Luật này thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản*”.

Đối chiếu quy định nêu trên, việc Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định 3440 là trong thời hạn, đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 6, Điều 38, Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[3.2] Về nội dung:

Sau năm 1975, phần đất Kênh Thủy Lợi là của Tập đoàn H2; khoảng sau năm 1978, UBND xã T (chưa tách xã T và T) chỉ đạo cấp tạm cho ông Nguyễn Chí D sử dụng một phần đất thuộc Kênh T để sử dụng và phần đất này có chừa khoảng 10m để đào kênh cho người dân đi lại; khi đào kênh có lấn về phía Đông còn phần đất của ông D giữ nguyên. Sau đó, ông D để lại phần đất được cấp tạm cho ông Sáu H1 là cha của ông D sử dụng, khi ông Sáu H1 chết thì ông Kế tiếp sử dụng phần đất trên. Và phần đất ông K sử dụng vẫn là phần đất công thuộc Kênh T. Trên bản đồ địa chính thể hiện đất Kênh T do UBND xã T quản lý. Từ năm 2000 đến năm 2006, thì phần đất Kênh T phục vụ tưới tiêu và đi lại cho người dân.

Sau đó, ông K cho rằng phần đất Kênh T là do ông bà để lại, ông xin cấp GCN.QSDD đối với phần đất này. Quá trình xem xét giải quyết việc cấp giấy chứng nhận cho ông K, chi nhánh VPĐKĐĐ huyện T phối hợp cùng UBND xã T, Ban Quản lý ấp, Địa chính - Xây dựng xã T đã nhiều lần làm việc với ông K, tiến hành xác minh, đo đạc, đối chiếu, áp ranh với diện tích ông K được cấp GCN.QSDD năm 1996, thì xác định ranh đất hiện hữu mà ông Nguyễn Văn K lấn đất của Kênh T có diện tích là 2.826m².

Tại văn bản số 1783/KL-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch U, kết luận: Giao UBND xã T tiếp tục quản lý phần đất Kênh T tại ấp E, xã T, huyện T và cắm mốc ranh giới với phần đất của ông Nguyễn Văn K, ông Lê Văn D1 đảm bảo đủ diện tích theo GCN.QSDD trên cơ sở mảnh trích đo địa chính số 31-2020, được chi nhánh VPĐKĐĐ huyện T đã thực tế đo đạc và ký tên xác nhận ngày 27 tháng 5 năm 2020.

Không đồng ý Kết luận số 1783/KL-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch UBND huyện T nên ông K và bà L đã khởi kiện yêu cầu hủy Kết luận nêu trên nhưng bị Tòa án trả đơn kiện. Ông K khiếu nại việc trả đơn, thì ngày 29 tháng 10 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã ban hành Quyết định số

04/2021/QĐ-GQKN về việc giải quyết khiếu nại đối với ông K. Sau đó, ông K, bà L không khiếu nại theo quy định của pháp luật nên Kết luận số 1783/KL-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch UBND huyện T có hiệu lực pháp luật.

Như vậy, phần đất Kênh T tại ấp E, xã T đã được Nhà nước tiếp tục giao cho UBND xã T quản lý.

Thực hiện Kết luận trên, ngày 25 tháng 12 năm 2020, UBND xã T chủ trì, phối hợp với Thanh tra huyện T, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T4 tổ chức cắm mốc ranh giới đất Kênh T do UBND xã T quản lý với phần đất của ông Nguyễn Văn K, ông Lê Văn D1. Hiện tại, các cột mốc cắm vẫn còn nguyên hiện trạng.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, qua kiểm tra hiện trạng sử dụng đất thì UBND xã T phát hiện ông K có hành vi tiến hành gieo sạ lúa trên phần đất Kênh T. Hành vi lấn đất do Nhà nước quản lý của ông K đã vi phạm quy định của pháp luật đất đai, nên ngày 20 tháng 9 năm 2022, UBND xã T đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông K.

Trên cơ sở đó, ngày 18 tháng 10 năm 2022, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định 3440, buộc nộp phạt 70.000.000 đồng và nộp tiền thu lợi bất chính 31.000 đồng đối với ông Nguyễn Văn K; đồng thời, buộc ông K khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, buộc trả lại đất đã lấn theo quy định tại điểm c khoản 4, điểm a, đ khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông K về yêu cầu hủy Quyết định 3440 là đúng quy định của pháp luật.

[4] Đối với Quyết định 596:

Như đã phân tích và nhận định nêu trên, phần đất Kênh T tại ấp E, xã T là đất công do Nhà nước quản lý; việc Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định 3440 là đúng quy định của pháp luật. Do đó, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định 596 với nội dung giữ nguyên Quyết định 3440 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn K. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cần sửa lại cách tuyên án, vì việc Tòa sơ thẩm bác yêu cầu của người khởi kiện nhưng lại tuyên giữ nguyên các quyết định hành chính bị kiện là “Tuyên án vượt quá thẩm quyền giải quyết của vụ án hành chính”, do thẩm quyền giữ nguyên hay sửa đổi hay rút quyết định hành chính bị kiện là thẩm quyền của cơ quan hành chính nhà nước; còn thẩm quyền của Tòa án trong giải quyết vụ án hành chính đối với trường hợp có yêu cầu hủy quyết định hành chính cá biệt là xem xét tính hợp pháp về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành và nội dung của quyết định hành chính. Khi xem xét giải quyết vụ án hành chính thì Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 193 Luật Tố tụng hành chính để quyết định và theo đó, không có quy định nào cho phép Tòa án quyết định giữ nguyên quyết định hành chính bị kiện.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn K là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 241, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo ông Nguyễn Văn K; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 189/2023/HC-ST ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An về việc bác yêu cầu của người khởi kiện, sửa án sơ thẩm về phần quyết định.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3440/QĐ-XPHC ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Long An về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn K và Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn K.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn K không phải nộp.

4. Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu VT (5), HS (2), 20b, (TK-PH)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tửu